



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH HƯNG PHÚ**



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

**AISC**

**ACCOMPANY WITH BUSINESS**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-27

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ Phần Thủy Tinh Hưng Phú được thành lập theo quyết định số 130/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 07 năm 2003 do Bộ Công Nghiệp cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001971 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần nhất vào ngày 20 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần hai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300375218 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi lần ba số 0300375218 ngày 11 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất, kinh doanh bao bì thủy tinh được phẩm;
- Sản xuất dụng cụ thí nghiệm; mua bán máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

Trụ sở chính: 84 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Tp. HCM.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Dực	Chủ tịch
Ông Hà Đăng Khiêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Tô Văn Trọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiêm Loan	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Hồ Quốc Khánh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Nhung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền	Thành viên



#### Kế toán trưởng

Ông Trần Văn Dực	Giám Đốc
Ông Hà Đăng Khiêm	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Hương	Kế toán trưởng

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



uản trị



Số: 0711492 /AISC-DN3

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH HUNG PHÚ**

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.  
Công ty Cổ Phần Thủy Tinh Hưng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH HUNG PHÚ từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH HUNG PHÚ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Trương Diệu Thuý**  
KTV: 0113/KTV  
Việt Nam cấp

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Diệu Thuý**

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Optimized using trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>52.580.383.585</b>	<b>45.991.665.026</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>8.373.038.447</b>	<b>6.314.016.792</b>
1. Tiền	111		8.373.038.447	6.314.016.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>27.104.153.983</b>	<b>21.945.797.189</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		20.238.094.358	19.566.072.759
2. Trả trước cho người bán	132		6.824.967.292	2.370.374.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		41.092.333	9.350.400
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>16.138.695.904</b>	<b>17.034.773.457</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.235.852.016	18.360.180.684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.097.156.112)	(1.325.407.227)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>964.495.251</b>	<b>697.077.588</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT. được khấu trừ	152		352.139.578	321.230.951
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.04</b>	<b>612.355.673</b>	<b>375.846.637</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>42.918.710.115</b>	<b>39.675.046.079</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.516.150.115</b>	<b>37.521.846.079</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14.516.295.339	23.620.292.025
- Nguyên giá	222		80.102.921.939	79.784.793.666
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.586.626.600)	(56.164.501.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	26.999.854.776	13.901.554.054
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.07	<b>1.402.560.000</b>	<b>2.153.200.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.296.800.000	3.198.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.894.240.000)	(1.045.600.000)
Thác	260		-	-
Đầu tư dài hạn	261		-	-
Đầu tư nhập hoãn lại	262		-	-
Đầu tư khác	263		-	-
<b>TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.499.093.700</b>	<b>85.666.711.105</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>52.508.013.707</b>	<b>48.991.633.202</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.190.018.038</b>	<b>23.617.514.415</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	4.866.397.778	4.444.152.100
2. Phải trả cho người bán	312		4.771.780.266	3.499.183.388
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	3.311.033.616	1.797.817.017
5. Phải trả người lao động	315		5.272.708.200	4.536.081.414
6. Chi phí phải trả	316	V.10	31.482.000	285.561.120
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	8.588.450.546	8.256.002.309
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.12	1.348.165.632	798.717.067
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.317.995.669</b>	<b>25.374.118.787</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	24.133.000.000	25.208.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.995.669	166.118.787
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>42.991.079.993</b>	<b>36.675.077.903</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>42.991.079.993</b>	<b>36.675.077.903</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.940.000.000	20.940.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.075.000.000)	(3.075.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	89.913.508
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.880.853.313	15.215.505.992
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.301.226.680	1.560.658.403
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.944.000.000	1.944.000.000
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.499.093.700</b>	<b>85.666.711.105</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Kế toán trưởng

Optimized using  
trial version  
www.balesio.com

Thị Xuân Hương

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Giám đốc

  
Trần Văn Dục

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	121.190.587.910	103.965.577.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	177.735.725	374.051.210
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	121.012.852.185	103.591.526.528
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	88.178.527.256	80.171.094.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.834.324.929	23.420.431.985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	530.375.737	1.839.049.949
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	3.788.915.225	3.259.566.153
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.914.263.468	3.073.202.173
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	8.149.555.975	6.338.571.086
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	7.708.882.122	7.217.313.599
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		13.717.347.344	8.444.031.096
11. Thu nhập khác	31	VI.09	138.533.107	282.509.458
12. Chi phí khác	32	VI.10	30.221.333	1.400.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		108.311.774	281.109.458
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.825.659.118	8.725.140.554
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2.531.976.345	2.190.594.016
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.293.682.773	6.534.546.538
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	<u>5.810</u>	<u>3.671</u>

Kế toán trưởng



Thị Xuân Hương

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Giám đốc

Trần Văn Dực

Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	132.202.675.452	108.801.819.876
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(69.837.095.894)	(63.831.868.830)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.319.006.479)	(16.288.282.600)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.530.947.578)	(3.073.202.173)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(991.223.388)	(2.821.520.987)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	678.197.103	464.701.449
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(14.729.352.366)	(24.484.356.686)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>23.473.246.850</b>	<b>(1.232.709.951)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.428.445.566)	(2.358.805.951)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	80.000.000	(1.418.800.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	300.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	474.974.683	1.571.768.000
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.873.470.883)</b>	<b>(1.905.837.951)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.462.288.554	52.059.086.075
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.115.042.866)	(44.646.934.538)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.888.000.000)	(1.555.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.540.754.312)</b>	<b>5.856.951.537</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.059.021.655	2.718.403.635
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.314.016.792	3.595.613.157
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>8.373.038.447</u>	<u>6.314.016.792</u>

Kế toán trưởng



Vương Thị Xuân Hương

Tp. HCM ngày 20 tháng 02 năm 2012



Giám đốc

Trần Văn Dực



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1. Thành lập:

Công ty Cổ Phần Thủy Tinh Hưng Phú được thành lập theo quyết định số 130/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 07 năm 2003 do Bộ Công Nghiệp cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001971 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần nhất vào ngày 20 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần hai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300375218 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi lần ba số 0300375218 ngày 11 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có Chi nhánh với các thông tin sau:

Công ty thành lập thêm chi nhánh theo Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh số 5013000198 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2008, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long an cấp, để đầu tư dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50211000050 ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An cấp.

**Dự án đầu tư:** Nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh phục vụ cho ngành dược.

**Tổng vốn đầu tư:** 35.000.000.000.000 (ba mươi lăm tỷ).

**Thời hạn thực hiện dự án:** 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

(Chi nhánh đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng).

**Địa chỉ:** Lô L.03, Đường số 1, khu công nghiệp Long hậu, xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

**Trụ sở chính:** 84 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Tp. HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.  
 Vốn điều lệ: 20.940.000.000 đồng.
3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh.
4. Ngành nghề kinh doanh:
- Sản xuất, kinh doanh bao bì thủy tinh dược phẩm;
  - Sản xuất dụng cụ thí nghiệm; mua bán máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế;
  - Đại lý kinh doanh xăng dầu; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.
5. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 297 người .

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN



a Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

lụng trong kế toán

Optimized using  
 trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

(ND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân giá quyền.

**Hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sẵn*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>20 - 55 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>04 - 08 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>05 - 08 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>03 - 05 năm</i>

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua và xây dựng nhà máy mới.



Để chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ, dụng cụ, các khoản bảo hiểm có kỳ hạn, bảo hiểm luân chuyển và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

**Phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

+ Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Cổ phiếu quỹ:**

+ Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại được trình bày trên nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.**

+ Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động chưa hoàn thành đầu tư).

**+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh đơ áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận khi kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

Việc ghi nhận kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu được sau khi trừ đi các chi phí đã được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn...).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn. ...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được ghi nhận vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không công trình đưa vào hoạt động.



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong năm 2010, Ban Giám đốc Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201").

Năm 2011, Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") được trình bày ở phần thuyết minh VII.1

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phân ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.  Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phân ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở phần thuyết minh VII.1

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**



tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	8.373.038.447	6.314.016.792
	68.010.200	68.568.200
	8.305.028.247	6.245.448.592
	<b>8.373.038.447</b>	<b>6.314.016.792</b>

Optimized using trial version [www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2011	01/01/2011
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu của khách hàng	20.238.094.358	19.566.072.759
<i>Khách hàng trong nước</i>	20.238.094.358	19.566.072.759
Trả trước cho người bán	6.824.967.292	2.370.374.030
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	6.824.967.292	2.370.374.030
Phải thu khác	41.092.333	9.350.400
<i>Phải thu BHXH</i>	41.092.333	9.350.400
<b>Cộng</b>	<b>27.104.153.983</b>	<b>21.945.797.189</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	11.520.562.416	13.378.705.138
Công cụ, dụng cụ	261.992.864	219.584.256
Thành phẩm	6.453.296.736	4.761.891.290
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>18.235.852.016</b>	<b>18.360.180.684</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.097.156.112)	(1.325.407.227)
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>16.138.695.904</b>	<b>17.034.773.457</b>
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tài sản ngắn hạn khác	612.355.673	375.846.637
Tạm ứng	26.823.677	86.837.137
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	585.531.996	289.009.500
<b>Cộng</b>	<b>612.355.673</b>	<b>375.846.637</b>
<b>5. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 26.</b>		
<b>6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
+ <i>Xây dựng nhà máy ở KCN Long Hậu - Long An</i>	26.999.854.776	13.901.554.054
<b>Cộng</b>	<b>26.999.854.776</b>	<b>13.901.554.054</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>85.800</b>	<b>3.296.800.000</b>	<b>76.000</b>	<b>3.198.800.000</b>
Đầu tư cổ phiếu	85.800	3.296.800.000	76.000	3.198.800.000
+ Cty CP Dược TW 1	25.000	1.780.000.000	25.000	1.780.000.000
+ Cty CP Thủ Y Cai Lậy	1.800	18.000.000	-	-
+ Mã CK: DMC	9.000	321.900.000	9.000	321.900.000
+ Mã CK: TTP	10.000	349.600.000	10.000	349.600.000
+ Mã CK: RAL	24.000	592.900.000	24.000	592.900.000
+ Mã CK: PXS	16.000	234.400.000	8.000	154.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.894.240.000)		(1.045.600.000)
<b>Cộng</b>	<b>85.800</b>	<b>1.402.560.000</b>	<b>76.000</b>	<b>2.153.200.000</b>

## 8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	4.866.397.778	4.444.152.100
<b>Cộng</b>	<b>4.866.397.778</b>	<b>4.444.152.100</b>

+ Vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
0012/2011/HDHM	2/10/2011	2/10/2012	Theo từng lần nhận nợ	Tin chấp

## 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng	179.196.222	629.758.964
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	340.437.583	-
Thuế xuất, nhập khẩu	162.113.136	140.243.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.531.976.345	991.223.388
Thuế thu nhập cá nhân	97.310.330	36.590.820
<b>Cộng</b>	<b>3.311.033.616</b>	<b>1.797.817.017</b>

## 10. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí phải trả	31.482.000	285.561.120
<b>Cộng</b>	<b>31.482.000</b>	<b>285.561.120</b>



mg và chi phí

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Kinh phí công đoàn	92.983.367	87.103.667
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.495.467.179	8.168.898.642
<i>Tiền lương CNV từ năm 2007 trở về trước</i>	8.036.795.592	8.036.795.592
<i>Phải trả khác</i>	458.671.587	132.103.050
<b>Cộng</b>	<b>8.588.450.546</b>	<b>8.256.002.309</b>
<b>12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Quỹ khen thưởng	373.711.797	212.400.347
Quỹ phúc lợi	316.631.812	173.750.422
Quỹ khen thưởng ban QLĐH	657.822.023	412.566.298
<b>Cộng</b>	<b>1.348.165.632</b>	<b>798.717.067</b>
<b>13. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Vay dài hạn	24.133.000.000	25.208.000.000
Vay ngân hàng	24.133.000.000	25.208.000.000
+ NH Nông Nghiệp & PTNT - CN, Sài Gòn	8.961.000.000	17.208.000.000
+ NH TMCP Việt Á	15.172.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.133.000.000</b>	<b>25.208.000.000</b>

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng dài hạn:

+ Ngân hàng Nông Nghiệp &amp; PTNT - CN Sài Gòn có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
102/HDTD09	08/2009	10/2013	Theo giấy nhận nợ từng lần	thế chấp tài sản

\* Khoản vay 8.961.000.000 đồng - theo hợp đồng số 102/HDTD09 ngày 24/08/2009. Hạn mức vay 10.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 50 tháng kể từ ngày vay, lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay: đầu tư dự án. Tài sản thế chấp: 6 dây chuyền sản xuất ống tiêm có giá trị là 12.600.000.000 đồng.

+ Ngân hàng TMCP Việt Á có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
19/10/VAB-LLQ- PGDBT/HĐTDH	03/11/2010	03/09/2020	Theo giấy nhận nợ từng lần	thế chấp tài sản

2.000.000 đồng - theo hợp đồng số 19/10/VAB-LLQ-PGDBT/HĐTDH ngày 19/07/2010 và ký ngày 31/12/2010. Hạn mức vay 19.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 118 tháng kể từ ngày vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay: xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh. Tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Optimized using  
trial version  
www.balesio.com

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem trang số 27.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2011	01/01/2011
Các cổ đông góp vốn			
Ông Trần Văn Dực	5,7%	1.193.640.000	1.193.640.000
Bà Nguyễn Kim Phụng	2,0%	436.850.000	436.850.000
Ông Hà Đăng Khiêm	1,6%	326.950.000	326.950.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	0,9%	181.840.000	181.840.000
Bà Nguyễn Thị Kiêm Loan	5,6%	1.168.820.000	1.168.820.000
Bà Vương Thị Xuân Hương	0,9%	189.400.000	189.400.000
Các cổ đông khác	76,1%	15.942.500.000	15.942.500.000
Cổ phiếu quỹ	7,2%	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,0%</b>	<b>20.940.000.000</b>	<b>20.940.000.000</b>
* Số lượng cổ phiếu quỹ		150.000	150.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.940.000.000	20.940.000.000
Vốn góp đầu năm		20.940.000.000	17.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm			3.240.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		20.940.000.000	20.940.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		3.888.000.000	1.555.200.000
d. Cổ tức		Năm 2011	Năm 2010
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ			
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		10%	18%

Năm 2011, Công ty tạm ứng cổ tức 10% mệnh giá (1.000 đồng/ cổ phiếu) theo Quyết định số 05/QĐ-HDQT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng quản trị.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2011	01/01/2011
<b>d. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.094.000	2.094.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.094.000	2.094.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.094.000	2.094.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	150.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.944.000	1.944.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.944.000	1.944.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>đ. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Quỹ đầu tư phát triển	20.880.853.313	15.215.505.992
Quỹ dự phòng tài chính	2.301.226.680	1.560.658.403
<b>Cộng</b>	<b>23.182.079.993</b>	<b>16.776.164.395</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.*

*Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.*

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	121.138.360.550	103.907.272.768
Doanh thu bán hàng hóa	52.227.360	58.304.970
<b>Cộng</b>	<b>121.190.587.910</b>	<b>103.965.577.738</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Hàng bán bị trả lại	177.735.725	374.051.210
<b>Cộng</b>	<b>177.735.725</b>	<b>374.051.210</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu bán thành phẩm	120.960.624.825	103.533.221.558
Doanh thu bán hàng hóa	52.227.360	58.304.970
<b>Cộng</b>	<b>121.012.852.185</b>	<b>103.591.526.528</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2010
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thành phẩm đã bán	87.361.234.505	79.936.303.873
Giá vốn của hàng hóa đã bán	45.543.866	51.419.875
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	771.748.885	183.370.795
<b>Cộng</b>	<b>88.178.527.256</b>	<b>80.171.094.543</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	340.516.683	261.820.262
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	1.519.090.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	152.458.000	52.678.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.401.054	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.461.687
<b>Cộng</b>	<b>530.375.737</b>	<b>1.839.049.949</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	2.914.263.468	3.018.037.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.011.757	66.071.410
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	848.640.000	170.600.000
Chi phí tài chính khác	-	4.856.835
<b>Cộng</b>	<b>3.788.915.225</b>	<b>3.259.566.153</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	965.565.600	554.890.500
Chi phí vật liệu, bao bì	2.433.086.568	1.852.251.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	152.762.896	50.970.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.958.045.539	2.289.102.131
Chi phí bằng tiền khác	2.640.095.372	1.591.357.391
<b>Cộng</b>	<b>8.149.555.975</b>	<b>6.338.571.086</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	2.821.156.500	2.866.412.794
Chi phí vật liệu, bao bì	161.015.943	131.459.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.604.790	33.795.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.855.796	280.289.450
Chi phí bằng tiền khác	-	264.000
	120.353.865	131.019.602
	4.262.895.228	3.774.072.478
	<b>7.708.882.122</b>	<b>7.217.313.599</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2010
<b>9. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	138.533.107	282.509.458
<b>Cộng</b>	<b>138.533.107</b>	<b>282.509.458</b>
<b>10. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	30.221.333	1.400.000
<b>Cộng</b>	<b>30.221.333</b>	<b>1.400.000</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.825.659.118</b>	<b>8.725.140.554</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	885.148.645	89.913.508
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	89.913.508
+ Khoản trích lập dự phòng HTK	771.748.885	
+ Chi phí không hợp lệ	113.399.760	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(242.371.508)	(52.678.000)
+ Lãi cổ tức cổ phiếu được chia	(152.458.000)	(52.678.000)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2010	(89.913.508)	
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>14.468.436.255</b>	<b>8.762.376.062</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.617.109.064</b>	<b>2.190.594.016</b>
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 30% ( Theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011)</b>	<b>(1.085.132.719)</b>	<b>-</b>
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>2.531.976.345</b>	<b>2.190.594.016</b>
<b>12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.016.955.974	54.911.130.355
Chi phí nhân công	21.191.164.454	20.954.367.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.422.124.959	8.168.661.935
Chi phí công cụ dụng cụ	-	83.447.486
Thuế, phí và lệ phí	-	264.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.394.422.636	7.123.978.724
Chi phí khác	7.255.629.730	5.117.817.054
<b>Cộng</b>	<b>105.280.297.753</b>	<b>96.359.666.675</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.293.682.773	6.534.546.538
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	11.293.682.773	6.534.546.538
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.944.000	1.780.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.810	3.671

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

Như đã trình bày ở thuyết minh số III.14, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo VAS 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201. Ảnh hưởng như sau:

	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.401.054	-	37.401.054
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lãi chênh lệch tỷ giá		37.401.054	(37.401.054)
Lỗ chênh lệch tỷ giá		-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo KQKD	-	37.401.054	(37.401.054)

Tp. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Vương Thị Xuân Hương

Giám đốc



Trần Văn Dực



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	4.151.880.000	73.445.463.669	2.042.539.051	144.910.946	79.784.793.666
<i>Mua trong năm</i>	-	-	318.128.273	-	318.128.273
Số dư cuối năm	4.151.880.000	73.445.463.669	2.360.667.324	144.910.946	80.102.921.939
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.499.069.741	52.093.264.518	1.460.039.582	112.127.800	56.164.501.641
<i>Khấu hao trong năm</i>	136.594.500	8.914.266.417	338.480.896	32.783.146	9.422.124.959
Số dư cuối năm	2.635.664.241	61.007.530.935	1.798.520.478	144.910.946	65.586.626.600
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.652.810.259	21.352.199.151	582.499.469	32.783.146	23.620.292.025
Số dư cuối năm	1.516.215.759	12.437.932.734	562.146.846	-	14.516.295.339

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.289.659.238 đồng.

1 cổ định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.463.476.244 đồng.



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 14. Vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.700.000.000	(3.075.000.000)	-	12.893.465.890	1.257.123.749	3.240.000.000	32.015.589.639
Tăng vốn trong năm	3.240.000.000	-	-	-	-	(3.240.000.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.534.546.538	6.534.546.538
Đánh giá CLTG cuối kỳ	-	-	89.913.508	-	-	-	89.913.508
Trích các quỹ năm 2010	-	-	-	2.322.040.102	303.534.654	(2.625.574.756)	-
Trích quỹ khen thưởng PL	-	-	-	-	-	(409.771.782)	(409.771.782)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(1.555.200.000)	(1.555.200.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.940.000.000</b>	<b>(3.075.000.000)</b>	<b>89.913.508</b>	<b>15.215.505.992</b>	<b>1.560.658.403</b>	<b>1.944.000.000</b>	<b>36.675.077.903</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>20.940.000.000</b>	<b>(3.075.000.000)</b>	<b>89.913.508</b>	<b>15.215.505.992</b>	<b>1.560.658.403</b>	<b>1.944.000.000</b>	<b>36.675.077.903</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.293.682.773	11.293.682.773
Hoàn nhập CLTG	-	-	(89.913.508)	-	-	-	(89.913.508)
Trích các quỹ năm 2011	-	-	-	5.665.347.321	740.568.277	(6.405.915.598)	-
Trích quỹ khen thưởng PL	-	-	-	-	-	(999.767.175)	(999.767.175)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(3.888.000.000)	(3.888.000.000)
<b>Số dư</b>	<b>20.940.000.000</b>	<b>(3.075.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>20.880.853.313</b>	<b>2.301.226.680</b>	<b>1.944.000.000</b>	<b>42.991.079.993</b>



Optimized using  
trial version  
[www.balesio.com](http://www.balesio.com)